

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Tất Thành.

2. Địa chỉ: Số 09 Nguyễn Huệ, phường Kon Tum, thành phố Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi.

Điện thoại: 02603.862296

Email: c3chuyen.kontum@moet.edu.vn

Website: <https://thptchuyennguyentatthanh.quangngai.edu.vn>

3. Loại hình trường: Trường chuyên, được Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi trực tiếp quản lý.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu

4.1. Sứ mệnh

Trên cơ sở bảo đảm giáo dục phổ thông toàn diện, phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu ở từng môn học nhằm phát triển cao nhất năng khiếu của từng học sinh, phát hiện và bồi dưỡng phát triển năng lực của học sinh năng khiếu, tạo nguồn đào tạo nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

4.2. Tầm nhìn

Xây dựng nhà trường hiện đại, chất lượng cao, sánh vai được các trường chuyên hàng đầu trong khu vực miền Trung; hội nhập quốc tế.

4.3. Mục tiêu

Phát hiện và bồi dưỡng học sinh năng khiếu; tạo môi trường học tập tiên tiến và chuyên sâu; đào tạo học sinh có khả năng hội nhập quốc tế; hỗ trợ và dẫn dắt phong trào thi đua học tập phía Tây của tỉnh nhà; phát triển phẩm chất đạo đức và nhân cách học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành, tiền thân là Trường Trung học Chuyên Kon Tum, được thành lập vào ngày 09 tháng 9 năm 1993 tại đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Quang Trung, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (cũ). Ban đầu, nhà trường gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, nhưng vẫn khẳng định được vai trò tiên phong trong việc đào tạo học sinh giỏi cho tỉnh nhà.

Đến năm học 1994-1995, Trường chính thức tổ chức tuyển sinh các lớp đầu tiên với quy mô 7 lớp (gồm 02 lớp 8, 02 lớp 9, 02 lớp 10 và 01 lớp 11) và tổng số 162 học sinh. Trải qua quá trình phát triển, đến năm 2011, trường được đổi tên thành

Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành và chuyển đến địa điểm mới tại số 09 đường Nguyễn Huệ, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum nay là số 09 đường Nguyễn Huệ, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi. Đây là bước ngoặt quan trọng đánh dấu sự phát triển vượt bậc về cơ sở vật chất và chất lượng giáo dục. Sau hơn 30 năm xây dựng và trưởng thành, hiện tại trường có tổng số 28 lớp học với 907 học sinh, trong đó có 24 học sinh là người dân tộc thiểu số.

Về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, ngày khai giảng năm học đầu tiên của nhà trường chỉ có 14 người, trong đó có 01 thạc sĩ. Đến nay, tổng số đã tăng lên 83 người, bao gồm 03 cán bộ quản lý, 72 giáo viên và 08 nhân viên. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn là 100%, trong đó tỷ lệ trên chuẩn chiếm 61,5% (trong đó có 01 tiến sĩ, 01 nghiên cứu sinh). Trường có 01 giáo viên giỏi cấp quốc gia và 48 giáo viên giỏi cấp tỉnh, là lực lượng nòng cốt, tích cực tham gia vào các hoạt động chuyên môn của ngành giáo dục tỉnh Kon Tum.

Về cơ sở vật chất, khi mới thành lập, trường chỉ có 14 phòng học, dãy nhà hiệu bộ với 04 phòng làm việc, 01 phòng hội đồng và 02 dãy nhà ở cho học sinh và giáo viên với 10 phòng. Hiện nay, trường đã được đầu tư xây dựng khang trang với đầy đủ các khối phòng hành chính, phòng phục vụ dạy học, hội trường, khu nhà tập đa năng, nhà ăn cho học sinh nội trú, khu ký túc xá với 30 phòng. Các phòng học hiện nay đều đáp ứng điều kiện học hai buổi một ngày với trang thiết bị hiện đại, tạo điều kiện tốt nhất cho học sinh học tập và phát triển toàn diện.

Với sự nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ, giáo viên và học sinh, Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành đã khẳng định vị thế là trường chất lượng cao trong hệ thống giáo dục của tỉnh Kon Tum, hoàn thành tốt nhiệm vụ phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương và cho cả nước.

6. Thông tin người đại diện

Họ và tên: Lê Châu Vân Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 09 Nguyễn Huệ, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Số điện thoại: 0905 095899 Email: levan3003@gmail.com.

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường:

Quyết định số 92/QĐ-UB ngày 09/9/1993 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Trường trung học chuyên cấp II + III trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum;

Quyết định số 40/QĐ-CT ngày 10/02/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc đổi tên các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum.

Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 05/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phê duyệt các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở GDĐT Quảng Ngãi và các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

- Hiệu trưởng: Quyết định số 299/QĐ-SGDĐT ngày 09/8/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc bổ nhiệm ông Lê Châu Vân giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành;

- Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 298/QĐ-SGDĐT ngày 09/8/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc bổ nhiệm bà Lê Thị Phụng giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Tất Thành; Quyết định số 297/QĐ-SGDĐT ngày 09/8/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc bổ nhiệm bà Trần Thị Mỹ Hạnh giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông chuyên Nguyễn Tất Thành.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường:

Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành có quy chế tổ chức và hoạt động Thông tư số 05/2023/TT-BGDĐT ngày 28/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của trường trung học theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và có thêm các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Tổ chức và thực hiện kế hoạch dạy học chương trình giáo dục nâng cao do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định;

- Nghiên cứu vận dụng phù hợp, hiệu quả chương trình giáo dục và các phương pháp quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá tiên tiến; thúc đẩy triển khai giáo dục về khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật và toán học trong giáo dục phổ thông;

- Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, cơ cấu; giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực nghiên cứu khoa học; sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp, dạy học và nghiên cứu khoa học;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên để đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ của trường chuyên;

- Phát triển hoạt động hợp tác với các cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài để nâng cao chất lượng giáo dục;

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học theo quy định của pháp luật để đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ của trường chuyên;

- Tổ chức và quản lý các hoạt động nội trú của học sinh;

- Xây dựng, quản lý và sử dụng hiệu quả hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc quản lý, giáo dục và đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của nhà trường;

- Tổ chức theo dõi quá trình học tập và làm việc của cựu học sinh;

- Trong mỗi năm học, chủ trì tổ chức ít nhất 01 (một) hội thảo chuyên đề về tổ chức và quản lý các hoạt động giáo dục trong nhà trường với sự tham gia của các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông khác nhằm chia sẻ những giải pháp và kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của trường chuyên theo quy định.

8. Các văn bản khác của nhà trường: Chiến lược phát triển Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030; quy chế dân chủ cơ sở; quy định về quản lý hành chính, tài sản công; quy chế chi tiêu nội bộ,...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp		
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I
	Tổng số GV, CBQL, NV	88	0	52	31		1	4			
I	Giáo viên:	73		49	24		0	0	27	36	
II	Cán bộ quản lý	3		3					1	2	
1	Hiệu trưởng	1		1					1		
2	Phó hiệu trưởng	2		2						2	
III	Nhân viên	12	0	0	7	0	1	4	0	0	0
1	Văn thư	1			1						
2	Kế toán	1			1						
3	Thủ quỹ	0									
4	Y tế	1					1				
5	Thư viện	1			1						
6	Thiết bị, TN	2			2						
7	CNTT	1			1						
8	Giáo vụ	1			1						
9	Bảo vệ	2						2			
10	Tạp vụ	2						2			

2. Số lượng, tỉ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

a) Giáo viên: Tốt: 61, tỉ lệ: 83,56% ; Khá: 12, tỉ lệ: 16,44%; Trung bình: 0.

b) Cán bộ quản lý: Tốt: 3, tỉ lệ: 100%; Khá: 0, tỉ lệ: 0%; Trung bình: 0.

3. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định:

a) Cán bộ quản lý: 3, tỉ lệ: 100%;

b) Giáo viên: 76, tỉ lệ: 100%;

c) Nhân viên: 11, tỉ lệ: 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Hiện trạng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu
I	Diện tích đất (m²)		
1	Tổng diện tích	21.915m ²	Đảm bảo
2	Diện tích bình quân	26,96 m ²	Đảm bảo
II	Khối hành chính quản trị		
1	Phòng hiệu trưởng	1 phòng	Đảm bảo
2	Phòng phó hiệu trưởng	2 phòng	Đảm bảo
3	Phòng giáo viên	1 phòng	Đảm bảo
4	Phòng truyền thống	1 phòng	Đảm bảo
5	Văn phòng	1 phòng	Đảm bảo
6	Phòng giáo vụ	1 phòng	Đảm bảo
7	Phòng kế toán	1 phòng	Đảm bảo
8	Phòng Đảng-Đoàn Thanh niên	1 phòng	Đảm bảo
9	Phòng bảo vệ	1 phòng	Đảm bảo
10	Nhà xe giáo viên	1 nhà	Đảm bảo
11	Khu vệ sinh giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý	1 khu	Đảm bảo
III	Khối phòng học		
1	Số lượng	30 phòng	Đảm bảo
2	Loại phòng		
a	Phòng học kiên cố	30 phòng	Đảm bảo
b	Phòng học bán kiên cố	0	
c	Phòng học tạm	0	
d	Phòng học nhờ	0	
IV	Khối phòng hỗ trợ học tập		
1	Phòng thực hành Vật lí	01 phòng	Đảm bảo
2	Phòng thực hành Hóa học	01 phòng	Đảm bảo
3	Phòng thực hành Sinh học	01 phòng	Đảm bảo
4	Phòng thực hành Tin học	02 phòng	Đáp ứng 80%

5	Phòng học STEM	01 phòng	Đảm bảo
6	Thư viện	01 phòng	Đảm bảo
V	Khối phụ trợ		
1	Phòng họp	2 phòng	Đảm bảo
2	Phòng Y tế	1 phòng	Đảm bảo
3	Nhà kho	1 phòng	Đảm bảo
4	Cổng, hàng rào	X	Đảm bảo
VI	Khu sân chơi, bãi tập; nơi ở học sinh, gv		
1	Diện tích nhà tập đa năng	512m ²	Đảm bảo
2	Sân bóng đá mini	1 sân	Đảm bảo
3	Khu nội trú có phòng vệ sinh khép kín	30 phòng	Đảm bảo
4	Nhà ăn cho học sinh	01 nhà	Đảm bảo
5	Hội trường lớn	450 chỗ	Đảm bảo
6	Nhà ở cho giáo viên	05 phòng	Đảm bảo
7	Hồ bơi	500m ²	Đảm bảo
VII	Hạ tầng kỹ thuật		
1	Hệ thống nước sạch	x	Đảm bảo
2	Hệ thống cấp điện	x	Đảm bảo
3	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	x	Đảm bảo
4	Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc	x	Chỉ mới đáp ứng cho khối hành chính quản trị
5	Khu thu gom rác thải	x	Đảm bảo
VIII	Thiết bị hiện có		Đáp ứng 50% thiết bị tối thiểu
1	Ti vi	x	
2	Cát xét	08 cái	
3	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	04 cái	
4	Máy in vật thể 3D	01 cái	
5	Kính thiên văn	01 cái	
6	Âm thanh	x	
IX	Danh mục sách giáo khoa	x	Đảm bảo

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục: Mức độ 3.
2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Mức độ 3; trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2025-2026

1. Thống kê học sinh:

Tổng số lớp: 28, tổng số học sinh: 907 (giảm 03 học sinh so với đầu năm học, lý do: chuyển trường); Học sinh DTTS: 33. Cụ thể:

Lớp	Tổng số HS	Biên chế theo lớp									
10	344	10 Toán (34)	10 Lí (35)	10 Hóa (35)	10 Sinh (35)	10 Văn (36)	10 Sử (32)	10 Địa (36)	10 Anh 1 (33)	10 Anh 2 (33)	10 Tin (35)
11	304	11 Toán (35)	11 Lí (34)	11 Hóa (34)	11 Sinh (32)	11 Văn (35)	11 Sử (34)	11 Địa (33)	11 Anh (34)	11 Tin (33)	
12	259	12 Toán (33)	12 Lí (31)	12 Hóa (34)	12 Sinh (31)	12 Văn (34)	12 Sử (20)	12 Địa (20)	12 Anh (35)	12 Tin (21)	

Bình quân học sinh/lớp: 33 học sinh; Số học sinh học 02 buổi/ngày: 907 học sinh; Học sinh khuyết tật: 01.

Số học sinh chuyển trường: 03 học sinh; tiếp nhận học lại tại trường: 0.

2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh

2.2. Kết quả xếp loại 2 mặt giáo dục

Thời gian	Khối lớp	Số	Kết quả học tập								Kết quả rèn luyện							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt		Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt	
			SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
HKI	Tổng cộng	909	771	84,82	137	15,07	1	0,11	0	0,00	898	98,79	9	0,99	2	0,22	0	0,00
	Khối 10	345	258	74,7	87	25,22	0	0,00	0	0,00	336	97,39	8	2,32	1	0,29	0	0,00
	Khối 11	304	270	88,8	33	10,86	1	0,33	0	0,00	302	99,34	1	0,33	1	0,33	0	0,00
	Khối 12	260	243	93,46	17	6,54	0	0,00	0	0,00	260	100	0	0,00	0	0,00	0	0,00
HKII	Tổng cộng	907	787	86,77	113	12,46	7	0,77	0	0,00	895	98,68	9	0,99	2	0,22	1	0,11
	Khối 10	344	279	81,10	62	18,02	3	0,87	0	0,00	340	98,84	2	0,58	1	0,29	1	0,29

	Khối 11	304	264	86,84	36	11,84	4	1,32	0	0,00	296	97,37	7	2,30	1	0,33	0	0,00
	Khối 12	259	244	94,21	15	5,79	0	0,00	0	0,00	259	100	0	0,00	0	0,00	0	0,00
Cả năm	Tổng cộng	907	809	89,20	93	10,25	5	0,55	0	0,00	894	98,57	12	1,32	0	0,00	1	0,11
	Khối 10	344	288	83,72	53	15,41	3	0,87	0	0,00	339	98,55	4	1,16	0	0,00	1	0,29
	Khối 11	304	272	89,47	30	9,87	2	0,66	0	0,00	296	97,37	8	2,63	0	0,00	0	0,00
	Khối 12	259	249	96,14	10	3,86	0	0,00	0	0,00	259	100	0	0,00	0	0,00	0	0,00

2.2. Về kết quả tham gia các kì thi, Hội thi:

a. Cấp quốc gia

- Học sinh giỏi Quốc gia

Số học sinh dự thi: 69

Tổng số giải: 22

Tỉ lệ đạt giải: 31,88%

Cơ cấu giải: Giải Nhì: 2 (Tin học); Giải Ba: 12 (Tin học: 1, Hóa học: 3, Sinh học: 2, Ngữ văn: 4, Lịch sử: 2); Giải Khuyến khích: 8 (Tin học: 1, Hóa học: 1, Sinh học: 3, Lịch sử: 1, Địa lí: 1, Tiếng Anh: 1)

- Khoa học kĩ thuật Quốc gia

Số dự án dự thi: 2

Tổng số giải: 2

Tỉ lệ đạt giải: 100%

Cơ cấu giải: Giải Nhì: 1; Giải Tư: 1

- IOE cấp Quốc gia

Tổng số giải: 21

Cơ cấu giải: Huy chương Vàng: 1 (Khối 10); Huy chương Bạc: 2 (Khối 10); Huy chương Đồng: 4 (Khối 11); Khuyến khích: 14 (Khối 10: 9, Khối 11: 5)

b. Cấp khu vực

- Olympic 30/4 lần thứ XXX

Tổng số học sinh dự thi: 53

Tổng số giải: 49

Tỉ lệ đạt giải: 92,45%

Cơ cấu giải: Huy chương Vàng: 12 (Toán: 1, Hóa học: 1, Sinh học: 2, Ngữ văn: 1, Lịch sử: 1, Địa lí: 2, Tiếng Anh: 3, Tin học: 1); Huy chương Bạc: 21 (Vật lí: 3, Hóa học: 3, Sinh học: 4, Ngữ văn: 4, Lịch sử: 3, Địa lí: 2, Tiếng Anh: 1, Tin học: 1); Huy chương Đồng: 16 (Toán: 4, Vật lí: 2, Hóa học: 1, Lịch sử: 2, Địa lí: 2, Tiếng Anh: 2, Tin học: 3)

- Olympic Tin học miền Trung – Tây Nguyên

Số học sinh dự thi: 7

Tổng số giải: 7

Tỉ lệ đạt giải: 100%

Cơ cấu giải: Huy chương Vàng: 1; Huy chương Bạc: 1; Huy chương Đồng: 5

- HUE-ICT

Số học sinh dự thi: 2

Tổng số giải: 2

Tỉ lệ đạt giải: 100%

Cơ cấu giải: Giải Nhì: 2

c. Cấp tỉnh

- Học sinh giỏi lớp 12 cấp tỉnh

Số học sinh dự thi: 189

Tổng số giải: 149

Tỉ lệ đạt giải: 78,84%

Cơ cấu giải: Giải Nhất: 11 (Toán: 1, Vật lí: 1, Sinh học: 1, Ngữ văn: 1, Lịch sử: 1, Tiếng Anh: 4, Tin học: 2); Giải Nhì: 32 (Toán: 3, Hóa học: 1, Sinh học: 3, Ngữ văn: 2, Lịch sử: 6, Địa lí: 5, Tiếng Anh: 3, Tin học: 4, GD KTPL: 5); Giải Ba: 69 (Toán: 9, Vật lí: 6, Hóa học: 5, Sinh học: 5, Ngữ văn: 4, Lịch sử: 8, Địa lí: 10, Tiếng Anh: 11, Tin học: 9, GD KTPL: 2); Khuyến khích: 37 (Toán: 5, Vật lí: 6, Hóa học: 2, Sinh học: 3, Ngữ văn: 2, Lịch sử: 6, Địa lí: 1, Tiếng Anh: 5, Tin học: 6, GD KTPL: 1)

- Học sinh giỏi lớp 11 cấp tỉnh

Số học sinh dự thi: 235

Tổng số giải: 173

Tỉ lệ đạt giải: 73,62%

Cơ cấu giải: Giải Nhất: 7 (Ngữ văn: 2, Địa lí: 2, Tiếng Anh: 1, Tin học: 2); Giải Nhì: 41 (Toán: 1, Hóa học: 2, Sinh học: 3, Ngữ văn: 3, Lịch sử: 4, Địa lí: 10, Tiếng Anh: 6, Tin học: 8, GD KTPL: 4); Giải Ba: 65 (Toán: 1, Vật lí: 3, Hóa học: 6, Sinh học: 4, Ngữ văn: 10, Lịch sử: 11, Địa lí: 6, Tiếng Anh: 14, Tin học: 9, GD KTPL: 1); Khuyến khích: 60 (Toán: 8, Vật lí: 5, Hóa học: 12, Sinh học: 10, Ngữ văn: 2, Lịch sử: 7, Địa lí:

- Khoa học kĩ thuật cấp tỉnh

Số dự án dự thi: 4

Tổng số giải: 4

Tỉ lệ đạt giải: 100%

Cơ cấu giải: Giải Nhất: 3; Giải Nhì: 1

- Học sinh với ý tưởng khởi nghiệp

Số dự án dự thi: 1

Tổng số giải: 1

Tỉ lệ đạt giải: 100%

Cơ cấu giải: Giải Khuyến khích: 1

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Theo Phụ lục đính kèm.

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Phong trào thể dục thể thao, tổ chức các câu lạc bộ:

- **Thể dục thể thao** (Đại hội Thể dục thể thao ngành GD&ĐT lần thứ 1)

Tổng số giải: 15 huy chương. Trong đó Huy chương Vàng: 2 (Bơi); Huy chương Bạc: 5 (Bơi: 2, Bóng bàn: 2, Cầu lông: 1); Huy chương Đồng: 8 (Bơi: 3, Bóng bàn: 3, Cầu lông: 2).

- Các câu lạc bộ: Văn học, Nhiếp ảnh, Bơi lội, Nghiên cứu KHKT, Âm nhạc và Hoạt động thiện nguyện được thường xuyên tổ chức các hoạt động, tạo ra sân chơi, tạo sự lan tỏa trong nhà trường.

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2026 của Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành./.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (biết);
- Hiệu trưởng, các P.Hiệu trưởng (theo dõi);
- Đảng ủy (biết);
- Công đoàn trường (p/h);
- Website nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Lê Châu Vân